

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 545/QĐ-ĐHKT ngày 22 tháng 8 năm 2016
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

Tên chương trình:	GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
Trình độ đào tạo:	ĐẠI HỌC
Chuyên Ngành đào tạo:	KINH TẾ CHÍNH TRỊ
Thuộc ngành đào tạo:	KINH TẾ
Mã ngành:	52310101
Loại hình đào tạo:	CHÍNH QUY

1. Mục tiêu đào tạo:

Đào tạo cử nhân Kinh tế chính trị có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe, có năng lực giải quyết công việc thuộc lĩnh vực chuyên môn trong sự nghiệp xây dựng đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực.

Sau khi hoàn thành chương trình học, sinh viên đạt được các kiến thức, kỹ năng và các giá trị giáo dục sau:

1.1. Chuẩn về kiến thức

a) Hiểu được những kiến thức nền tảng mang tính phương pháp luận và những hiểu biết về cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh gồm: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó hình thành thế giới quan, nhân sinh quan cho người học.

b) Nắm vững những kiến thức cần thiết về khoa học tự nhiên phù hợp với chuyên ngành đào tạo; kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn làm cơ sở cho việc tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, đáp ứng khả năng học tập ở bậc đại học và các bậc cao hơn; biết sử dụng thành thạo máy tính về soạn thảo văn bản và có trình độ tiếng Anh theo khung tham chiếu trình độ ngoại ngữ châu Âu B1 hoặc tương đương.

c) Nắm vững kiến thức cơ sở của khối ngành và kiến thức chung của ngành làm cơ sở cho việc tiếp cận, đi sâu nghiên cứu kiến thức chuyên ngành.

d) Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về kinh tế, chính trị của các phương thức sản xuất xã hội trong lịch sử: các lý thuyết kinh tế của các đại biểu, trường phái tiêu biểu qua các thời kỳ lịch sử; những vấn đề kinh tế, chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; lí luận kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và vận dụng các lý thuyết kinh tế thể hiện trong đường lối kinh tế của Đảng cộng sản Việt Nam.

1.2. Chuẩn về kỹ năng

1.2.1. Kỹ năng cứng

a) Kỹ năng nghiên cứu lý luận về những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội qua các phương thức sản xuất trong lịch sử.

b) Kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội làm cơ sở để tham mưu cho công tác quản lý kinh tế xã hội của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội.

c) Kỹ năng hoạch định những chính sách kinh tế của ngành, địa phương.

d) Kỹ năng quản lý kinh tế xã hội từ cấp trung ương tới địa phương, giải quyết được những vấn đề thực tiễn đặt ra trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

1.2.2. Kỹ năng mềm

e) Kỹ năng tự nghiên cứu, tự học cho sinh viên, biết sắp xếp kế hoạch, tự chủ trong công việc.

f) Kỹ năng truyền đạt thông tin, thuyết trình về những vấn đề kinh tế chính trị thông qua các tiết học

g) Kỹ năng phối hợp làm việc nhóm, thảo luận nhóm, biết đúc kết bài học kinh nghiệm trong nghiên cứu thực tiễn.

h) Kỹ giao tiếp và xử lý tốt các nghiệp vụ văn phòng trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng Anh tương đương

1.3. Chuẩn về thái độ

a) Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật; có ý chí vượt qua mọi khó khăn, trở ngại; có tinh thần làm việc say mê, năng động và sáng tạo; có bản lĩnh chính trị, tự tin khẳng định bản thân và có tinh thần phục vụ cộng đồng

b) Có ý thức tu dưỡng, trau dồi, cập nhật kiến thức chuyên môn và tích cực tham gia hoạt động đoàn thể, chính trị, xã hội; hình thành đạo đức trong sáng, có quan hệ đúng mực, hài hòa với bạn bè, thầy cô giáo.

c) Có ý thức trách nhiệm công dân, sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật; có tinh thần đấu tranh ủng hộ cái đúng, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước, phê phán những luận điểm, hành động sai trái.

1.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế, chuyên ngành kinh tế chính trị có thể làm việc trong những lĩnh vực sau:

- Trong các công ty, xí nghiệp (tổ chức nhân sự, kế hoạch thị trường, hành chính, tuyên giáo...)

- Trong các cơ quan Đảng, Nhà nước ở trung ương và địa phương (tỉnh ủy, huyện ủy, ủy ban nhân dân các cấp, các sở, phòng...)

- Trong các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội (Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, công đoàn, hội nghề nghiệp...)

- Giảng dạy trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và các trường chính trị của tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị của huyện, thị xã...).

- Nghiên cứu viên trong các cơ quan, viện nghiên cứu về kinh tế, chính trị và xã hội.

1.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ trên đại học: thạc sĩ, tiến sĩ

- Có thể đi bồi dưỡng trong nước và nước ngoài về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 122/152 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

- Quy trình đào tạo theo tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **122/152** tín chỉ, trong đó phần bắt buộc 97 tín chỉ và phần tự chọn tối thiểu 25 tín chỉ trong tổng số 55 tín chỉ tự chọn.

6. Thang điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ: A, B, C, D, F, I, X.

7. Nội dung chương trình và Kế hoạch dự kiến:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ dự kiến
7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			34/38	
7.1.1. Lý luận chính trị			10/10	
1	KTCT1022	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	1
2	KTCT1023	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	2
3	KTCT1112	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	3
4	KTCT1103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	4
7.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn – Nghệ thuật			8/12	
5	DHKH1062	Pháp luật đại cương	2	1
6	KTPT1012	Địa lý kinh tế	(2)	2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ dự kiến
7	DHKH1032	Khoa học môi trường	(2)	1
8	KTPT 5192	Quản lý nhà nước về kinh tế	(2)	2
9	DHSP1022	Tâm lý học đại cương	(2)	1
10	DHKH1042	Xã hội học đại cương	(2)	2
7.1.3. Ngoại ngữ			7/7	
11	DHNN1013	Tiếng Anh cơ bản 1	3	1
12	DHNN1022	Tiếng Anh cơ bản 2	2	2
13	DHNN1032	Tiếng Anh cơ bản 3	2	3
7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường			9/9	
14	HTTT1053	Tin học ứng dụng	3	1
15	HTTT1043	Toán ứng dụng trong kinh tế	3	1
16	HTTT1033	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	2
7.1.5. Giáo dục thể chất				
7.1.6. Giáo dục quốc phòng – an ninh				
7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			88/114	
7.2.1 Kiến thức của khối ngành			15/15	
17	KTPT2023	Kinh tế vi mô 1	3	2
18	KTPT2033	Kinh tế vĩ mô 1	3	2
19	KTTC2013	Nguyên lý kế toán	3	3
20	QTKD3023	Quản trị học	3	5
21	KTTC2223	Tài chính - tiền tệ 1	3	5
7.2.2 Kiến thức ngành, chuyên ngành			50/68	
7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành			17/29	
22	KTPT3043	Kinh tế vi mô 2	3	3
23	KTPT3053	Kinh tế vĩ mô 2	3	3
24	KTPT3093	Kinh tế môi trường	3	6
25	KTCT2062	Lịch sử các học thuyết kinh tế 1	2	3
26	KTPT1033	Phương pháp nghiên cứu	(3)	4
27	KTPT2103	Kinh tế phát triển	(3)	4
28	QTKD2013	Marketing căn bản	(3)	3
29	DHKH3073	Luật kinh tế	(3)	5
30	HTTT4403	Nguyên lý thống kê kinh tế	(3)	3
31	HTTT2053	Kinh tế lượng	(3)	3
7.2.2.2. Kiến thức chuyên ngành			33/39	
32	KTCT4063	Học thuyết kinh tế của Các Mác	3	5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ dự kiến
33	KTCT4072	Học thuyết kinh tế của Lênin	2	6
34	KTCT3162	Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh	2	6
35	KTCT3013	Chính trị học	3	3
36	KTCT3052	Kinh tế chính trị Việt Nam	2	3
37	KTCT3112	Lịch sử các học thuyết kinh tế 2	2	4
38	KTCT4162	Sở hữu và các thành phần kinh tế	2	4
39	KTCT2043	Lịch sử văn minh thế giới	3	4
40	KTCT4142	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa	2	5
41	KTCT3203	Kinh tế đối ngoại Việt Nam	3	7
42	KTCT3023	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	3	7
43	KTCT2053	Lịch sử kinh tế quốc dân	(3)	5
44	KTCT3173	Kinh tế tri thức	(3)	4
45	KTPT4113	Kế hoạch hoá phát triển	(3)	7
46	KTPT4583	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	(3)	6
7.2.3. Kiến thức bổ trợ			12/20	
47	KTCT3183	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3	5
48	KTCT3033	Địa chính trị thế giới	(3)	6
49	QTKD4353	Kinh tế quốc tế	(3)	5
50	KTCT5122	Kinh tế chính trị về các nền kinh tế chuyển đổi	(2)	5
51	KTCT5112	Phân phối thu nhập trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	(2)	7
52	KTCT3192	Phương pháp nghiên cứu kinh tế chính trị	2	4
53	KTTC5353	Thị trường chứng khoán	(3)	4
54	KTCT5132	Triết học nâng cao	(2)	6
7.2.4. Thực tập nghề nghiệp			4/4	
53	KTCT5514	Thực tập nghề nghiệp	4	6
7.2.5. Thực tập cuối khóa			7/14	
54	KTCT5517	Khóa luận cuối khóa	7	8
55	KTCT5512	Chuyên đề tổng hợp	2	8
56	KTCT5515	Chuyên đề thực tập cuối khóa	5	8
Tổng cộng			122/152	

Ghi chú: - Các học phần có dấu () là các học phần tự chọn
- Chưa tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **122/152** tín chỉ, bao gồm:

+ Phần kiến thức giáo dục đại cương phải tích lũy tối thiểu: **34/38** tín chỉ (trong đó: phần *Bắt buộc* 28 tín chỉ; phần *Tự chọn* tối thiểu: 6 trong tổng số 10 tín chỉ tự chọn).

+ Phần kiến thức của khối ngành, kiến thức ngành, chuyên ngành và kiến thức bổ trợ phải tích lũy tối thiểu: **77/103** tín chỉ (trong đó: Học phần *Bắt buộc* 58 tín chỉ; phần *Tự chọn* tối thiểu: 19 trong tổng số 45 tín chỉ tự chọn).

+ Phần thực tập, kiến tập: **4** tín chỉ

+ Phần Thực tập cuối khóa: **7** tín chỉ (Nếu sinh viên không được giao làm *Khoá luận cuối khóa* phải học 1 môn học chuyên đề tổng hợp: 2 tín chỉ và đi thực tập làm chuyên đề cuối khóa: 5 tín chỉ)

HIỆU TRƯỞNG